

TẬP HUẤN

QUY CHẾ THI THPT QUỐC GIA VÀ TUYỂN SINH ĐH, CĐ NĂM 2017

CHÀO MỪNG LÃNH ĐẠO NHÀ
TRƯỜNG, QUÝ THẦY CÔ
VÀ CÁC EM HỌC SINH KHỐI 12
ĐẾN THAM DỰ BUỔI TẬP HUẤN

ĐẮK RU, NGÀY 30/3/2017;

PHT. NGUYỄN VĂN TRUNG

NỘI DUNG

1. Các điểm mới của kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh đại học năm 2017
2. Lịch thi
3. Các điểm cần lưu ý:
 - ☞ Đối với các Trường THPT, Trung tâm GDTX
 - ☞ Đối với cán bộ coi thi, chấm thi
 - ☞ Đối với thí sinh

1. Các điểm mới của kỳ thi THPT quốc gia và tuyển
 - ☞ Chỉ tổ chức 01 cụm thi, thí sinh có thể thi tại trường hoặc liên trường;
 - ☞ Phần lớn các bài thi đều theo hình thức trắc nghiệm;
 - ☞ Tổ chức thi các bài thi tổ hợp;
 - ☞ Thời gian thi sớm hơn; thời gian đăng ký dự thi ngắn hơn;
 - ☞ Đăng ký xét tuyển thực hiện cùng với đăng ký dự thi;
 - ☞ Thí sinh được đăng ký không hạn chế số nguyện vọng;
 - ☞ Sau khi có kết quả thi được điều chỉnh nguyện vọng 1 lần.

TẬP HUẤN QUY CHẾ THI THPT QUỐC GIA VÀ TUYỂN SINH ĐH, CĐ NĂM 2017

2. Lịch thi

Ngày	Buổi	Bài thi/ Môn thi thành phần của bài thi tổ hợp		Thời gian làm bài	Giờ phát đề thi cho thí sinh	Giờ bắt đầu làm bài
21/6/2017	SÁNG	08 giờ 00: Họp cán bộ làm công tác coi thi tại Điểm thi				
	CHIỀU	14 giờ 00: Phổ biến Quy chế thi, Lịch thi; Thí sinh đến phòng thi, làm thủ tục dự thi, đính chính sai sót (nếu có)				
22/6/2017	SÁNG	Ngữ văn		120 phút	07 giờ 30	07 giờ 35
	CHIỀU	Toán		90 phút	14 giờ 20	14 giờ 30
23/6/2017	SÁNG	Bài thi KHTN	Vật lí	50 phút	07 giờ 30	07 giờ 40
			Hóa học	50 phút	08 giờ 40	08 giờ 50
			Sinh học	50 phút	09 giờ 50	10 giờ 00
	CHIỀU	Ngoại ngữ		60 phút	14 giờ 20	14 giờ 30
24/6/2017	SÁNG	Bài thi KHXH	Lịch sử	50 phút	07 giờ 30	07 giờ 40
			Địa lí	50 phút	08 giờ 40	08 giờ 50
			Giáo dục công dân	50 phút	09 giờ 50	10 giờ 00
	CHIỀU	Dự phòng				

3. Các điểm cần lưu ý

☞ Đối với các Trường THPT, Trung tâm GDTX:

Các công việc cần triển khai:

- Tổ chức phổ biến Quy chế thi và tuyển sinh (trước 30/3);
- Tổ chức thu nhận ĐKDT; cho thí sinh rà soát thông tin ĐKDT (từ 01/4 đến hết ngày 20/4);
- Tổ chức thu nhận và rà soát Phiếu đăng ký xét CNTT (trước 25/5);
- Thông báo công khai các trường hợp không đủ điều kiện dự thi (trước 02/6);
- Hoàn thành việc in và trả giấy báo dự thi cho thí sinh (trước ngày 7/6);

3. Các điểm cần lưu ý

☞ Đối với các Trường THPT, Trung tâm GDTX (tt)

Các công việc cần triển khai: (tt)

- Cấp giấy công nhận tốt nghiệp tạm thời và trả học bạ, Giấy chứng nhận kết quả thi cho thí sinh (Trước 17/7);
- Nhận đơn Phúc khảo của thí sinh (từ 7/7 đến 17/7) và thông báo kết quả phúc khảo;
- Tổ chức cho thí sinh thay đổi nguyện vọng ĐKXT (từ 15/7-23/7);

3. Các điểm cần lưu ý

☞ Đối với các Trường THPT, Trung tâm GDTX (tt)

Các điểm cần lưu ý:

- Phổ biến Quy chế thi, Quy chế tuyển sinh cho thí sinh: đăng ký dự thi; đăng ký xét tuyển; làm các bài thi tổ hợp;
- Tổ chức rà soát thông tin đăng ký dự thi.

3. Các điểm cần lưu ý

☞ **Đối với cán bộ coi thi, chấm thi**

Lưu ý những lỗi thường xảy ra:

- Xử lý các thắc mắc liên quan đến đề thi;
- Xử lý các lỗi ký nhầm;
- Quán triệt thí sinh rà soát đề thi sau khi nhận và điền thông tin vào giấy thi hoặc phiếu trả lời TN;
- Thu bài thi của thí sinh;
- Chấm 2 vòng độc lập;
- Kiểm dò khi chấm trắc nghiệm;
- Làm tròn điểm của các bài thi.

3. Các điểm cần lưu ý

☞ **Đối với thí sinh**

● **Đăng ký dự thi**

Lựa chọn bài thi;

Đăng ký miễn thi môn ngoại ngữ;

Đăng ký số điện thoại, email;

Quản lý tài khoản truy cập hệ thống;

Điền thông tin cá nhân, thông tin về chế độ ưu tiên;

Điền số CMND (lưu ý khi sơ tuyển);

Nguyên tắc điền thông tin đăng ký xét tuyển.

3. Các điểm cần lưu ý

☞ **Đối với thí sinh (tt)**

- Các vật dụng được mang vào phòng thi

Các quy định;

Lưu ý việc mang điện thoại vào phòng thi

- Các mốc thời gian

Đăng ký dự thi, sửa chữa các sai sót: 1-20/4

Đăng ký xét công nhận tốt nghiệp: trước 25/5

Điều chỉnh lần cuối thông tin cá nhân: chiều 21/6

3. Các điểm cần lưu ý

☞ **Đối với thí sinh (tt)**

● **Các mốc thời gian (tt)**

Nộp đơn phúc khảo: từ 7/7 đến hết ngày 17/7

Nhận giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, Giấy chứng nhận kết quả thi: trước 17/7;

Điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển: 15/7-23/7

Rà soát lại nguyện vọng đã đăng ký bằng phiếu : trước 25/7;

Xác nhận nhập học: từ 2-7/8; đối với thí sinh đăng ký tuyển thẳng: từ 15/7 đến hết ngày 20/7.

3. Các điểm cần lưu ý

☞ **Đối với thí sinh (tt)**

● Quy định làm bài thi

Làm bài thi tự luận;

Làm bài thi trắc nghiệm;

Làm bài thi tổ hợp.

3. Các điểm cần lưu ý

☞ **Đối với thí sinh (tt)**

● Các lưu ý:

Các nguyên tắc khi đăng ký trường, ngành;

Cách ghi số báo danh; đăng ký tuyển thẳng;

Bảo lưu kết quả thi;

Sơ tuyển, thi đánh giá năng lực;

Đăng ký xét tuyển vào các trường công an, quân đội;

Việc điều chỉnh trực tuyến thông tin đăng ký xét tuyển

Chương III. Điều 12. Đối tượng và điều kiện dự thi

1. Đối tượng dự thi

- a) Người đã học hết chương trình THPT hoặc chương trình GDTX cấp THPT (gọi chung là chương trình THPT) trong năm tổ chức kỳ thi;
- b) Người đã học hết chương trình THPT nhưng chưa thi tốt nghiệp THPT hoặc đã thi nhưng chưa tốt nghiệp THPT ở những năm trước; người đã tốt nghiệp THPT; người đã tốt nghiệp trung cấp; các đối tượng khác được Bộ GDĐT cho phép dự thi (gọi chung là thí sinh tự do).

2. Điều kiện dự thi

- a) Các đối tượng dự thi không trong thời gian bị kỷ luật cấm thi; đăng ký dự thi và nộp đầy đủ các giấy tờ, đúng thủ tục, đúng thời hạn.
- b) Đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này phải đảm bảo thêm các điều kiện được đánh giá, xếp loại ở lớp 12: **hạnh kiểm xếp loại từ trung bình trở lên, học lực không bị xếp loại kém.** Riêng đối với người học thuộc diện không phải xếp loại HK và người học theo hình thức tự học có hướng dẫn ở GDTX thì không yêu cầu xếp loại hạnh kiểm.

Chương III. Điều 13. Tổ chức đăng ký dự thi

1. Nơi đăng ký dự thi

- a) Đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Quy chế này đăng ký dự thi tại trường phổ thông nơi học lớp 12;
- b) Thí sinh tự do đăng ký tại địa điểm do sở GDĐT quy định. Đơn vị nơi thí sinh nộp Phiếu đăng ký dự thi có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 54 Quy chế này.

2. Đăng ký dự thi

- a) Hiệu trưởng trường phổ thông hoặc Thủ trưởng đơn vị nơi thí sinh nộp Phiếu đăng ký dự thi chịu trách nhiệm hướng dẫn đăng ký dự thi, thu Phiếu đăng ký dự thi, nhập thông tin thí sinh đăng ký dự thi, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi và chuyển hồ sơ, dữ liệu đăng ký dự thi cho sở GDĐT;
- b) Sở GDĐT quản trị dữ liệu đăng ký dự thi của thí sinh và gửi dữ liệu về Bộ GDĐT;

Chương III. Điều 13. Tổ chức đăng ký dự thi (tt)

3. Hồ sơ đăng ký dự thi đối với thí sinh chưa có bằng tốt nghiệp THPT

a) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Quy chế này:

- 02 Phiếu đăng ký dự thi giống nhau;
- Học bạ THPT; học bạ hoặc Phiếu kiểm tra của người học theo hình thức tự học đối với GDTX (bản sao);
- Các giấy chứng nhận hợp lệ để được hưởng chế độ ưu tiên, khuyến khích (nếu có). Để được hưởng chế độ ưu tiên liên quan đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, thí sinh phải có bản sao Sổ đăng ký hộ khẩu thường trú;
- 02 ảnh cỡ 4x6 cm, 02 phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên lạc của thí sinh.

b) Thí sinh tự do, ngoài các hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 Điều này phải có thêm:

Chương III. Điều 14. Điều 14. Trách nhiệm của thí sinh

1. Đăng ký dự thi theo quy định tại Điều 13 Quy chế này và theo quy định trong hướng dẫn tổ chức thi THPT quốc gia hằng năm của Bộ GDĐT.
2. Có mặt tại phòng thi đúng thời gian quy định ghi trong Giấy báo dự thi để làm thủ tục dự thi:
 - a) Xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân (gọi chung là Giấy chứng minh nhân dân) và nhận Thẻ dự thi;
 - b) Nếu thấy có những sai sót về họ, tên đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh, đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên, phải báo cáo ngay cho cán bộ của Điểm thi để xử lý kịp thời;
 - c) Trường hợp bị mất Giấy chứng minh nhân dân hoặc các giấy tờ cần thiết khác, phải báo cáo ngay cho Trưởng Điểm thi để xem xét, xử lý.
3. Mỗi buổi thi, có mặt tại phòng thi đúng thời gian quy định, chấp hành hiệu lệnh của Ban Coi thi và hướng dẫn của cán bộ coi thi (CBCT). Thí sinh đến chậm quá 15 phút sau khi có hiệu lệnh tính giờ làm bài sẽ không được dự thi buổi thi đó.

Chương III. Điều 14. Điều 14. Trách nhiệm của thí sinh (tt)

4. Khi vào phòng thi, phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Trình Thẻ dự thi cho CBCT;

b) Chỉ được mang vào phòng thi bút viết, bút chì, compa, tẩy, thước kẻ, thước tính; máy tính bỏ túi không có chức năng soạn thảo văn bản, không có thẻ nhớ (theo quy định trong hướng dẫn tổ chức thi THPT quốc gia hằng năm của Bộ GDĐT); Atlas Địa lí Việt Nam đối với môn thi Địa lí (do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ấn hành, không được đánh dấu hoặc viết thêm bất cứ nội dung gì); các loại máy ghi âm và ghi hình chỉ có chức năng ghi thông tin mà không truyền được thông tin và không nhận được tín hiệu âm thanh, hình ảnh trực tiếp nếu không có thiết bị hỗ trợ khác;

c) Không được mang vào phòng thi vũ khí, chất gây nổ, gây cháy, đồ uống có cồn, giấy than, bút xóa, tài liệu, thiết bị truyền tin hoặc chứa thông tin có thể lợi dụng để gian lận trong quá trình làm bài thi và quá trình chấm thi.

Chương III. Điều 14. Điều 14. Trách nhiệm của thí sinh (tt)

5. Trong phòng thi, phải tuân thủ các quy định sau đây:

- a) Ngồi đúng vị trí có ghi số báo danh của mình;
- b) Trước khi làm bài thi, phải ghi đầy đủ số báo danh vào đề thi, giấy thi, Phiếu TLTN, giấy nháp;
- c) Khi nhận đề thi, phải kiểm tra kỹ số trang và chất lượng các trang in. Nếu phát hiện thấy đề thiếu trang hoặc rách, hỏng, nhoè, mờ phải báo cáo ngay với CBCT trong phòng thi, chậm nhất 10 phút sau khi phát đề;
- d) Không được trao đổi, quay cốp hoặc có những cử chỉ, hành động gian lận và làm mất trật tự phòng thi. Muốn phát biểu phải giơ tay để báo cáo CBCT. Khi được phép nói, thí sinh đứng trình bày công khai với CBCT ý kiến của mình;

Chương III. Điều 14. Điều 14. Trách nhiệm của thí sinh (tt)

5. Trong phòng thi, phải tuân thủ các quy định sau đây: (tt)
- đ) Không được đánh dấu hoặc làm ký hiệu riêng, không được viết bằng bút chì trừ vẽ đường tròn bằng compa và tô các ô trên Phiếu TLTN; chỉ được viết bằng một thứ mực (không được dùng mực màu đỏ);
 - e) Khi có hiệu lệnh hết giờ làm bài, phải ngừng làm bài ngay;
 - g) Bảo quản bài thi nguyên vẹn, không để người khác lợi dụng. Nếu phát hiện có người khác xâm hại đến bài thi của mình phải báo cáo ngay cho CBCT để xử lý;
 - h) Khi nộp bài thi tự luận, phải ghi rõ số tờ giấy thi đã nộp và ký xác nhận vào Phiếu thu bài thi. Thí sinh không làm được bài cũng phải nộp tờ giấy thi (đối với bài thi tự luận), Phiếu TLTN (đối với bài thi trắc nghiệm);

Chương III. Điều 14. Điều 14. Trách nhiệm của thí sinh (tt)

5. Trong phòng thi, phải tuân thủ các quy định sau đây:
- i) Không được rời khỏi phòng thi trong suốt thời gian làm bài thi trắc nghiệm. Đối với buổi thi môn tự luận, thí sinh có thể được ra khỏi phòng thi và khu vực thi sau khi hết 2 phần 3 thời gian làm bài của buổi thi, phải nộp bài thi kèm theo đề thi, giấy nháp trước khi ra khỏi phòng thi;
 - k) Trong trường hợp cần thiết, chỉ được ra khỏi phòng thi khi được phép của CBCT và phải chịu sự giám sát của cán bộ giám sát; trường hợp cần cấp cứu, việc ra khỏi phòng thi và khu vực thi của thí sinh do Trưởng Điểm thi quyết định.

Chương III. Điều 14. Điều 14. Trách nhiệm của thí sinh (tt)

6. Khi dự thi các môn trắc nghiệm, ngoài các quy định tại khoản 5 Điều này, thí sinh phải tuân thủ các quy định dưới đây:

a) Phải làm bài thi trên Phiếu TLTN được in sẵn theo quy định của Bộ GDĐT. Chỉ được tô bằng bút chì đen các ô số báo danh, ô mã đề thi và ô trả lời. Trong trường hợp tô nhầm hoặc muốn thay đổi câu trả lời, phải tẩy sạch chì ở ô cũ, rồi tô ô mà mình lựa chọn;

b) Điền chính xác và đủ thông tin vào các mục trống ở phía trên Phiếu TLTN, đối với số báo danh phải ghi đủ và tô đủ phần số (kể cả các số 0 ở phía trước); điền chính xác mã đề thi vào hai Phiếu thu bài thi;

c) Khi nhận đề thi cần lưu ý: Các môn thi thành phần trong mỗi bài thi KHTN hoặc KHXXH có cùng một mã đề thi, nếu không cùng mã đề thi, thí sinh phải báo cáo ngay với CBCT trong phòng thi, chậm nhất 10 phút sau khi thí sinh nhận đề thi. Phải để đề thi dưới tờ Phiếu TLTN; không được xem nội dung đề thi khi CBCT chưa cho phép;

Chương III. Điều 14. Điều 14. Trách nhiệm của thí sinh (tt)

6. Khi dự thi các môn trắc nghiệm, ngoài các quy định tại khoản 5 Điều này, thí sinh phải tuân thủ các quy định dưới đây: (tt)

d) Phải kiểm tra đề thi để đảm bảo có đủ số lượng câu hỏi như đã ghi trong đề và tất cả các trang của đề thi đều ghi cùng một mã đề thi;

đ) Không được nộp bài thi trước khi hết giờ làm bài. Khi hết giờ làm bài, phải nộp Phiếu TLTN cho CBCT và ký tên vào hai Phiếu thu bài thi;

e) Chỉ được rời phòng thi sau khi CBCT đã kiểm đủ số Phiếu TLTN của cả phòng thi và cho phép ra về.

7. Khi có sự việc bất thường xảy ra, phải tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của CBCT.

Chương VII. Điều 30. Phúc khảo bài thi

1. Mọi thí sinh đều có quyền được phúc khảo bài thi, thí sinh đăng ký dự thi ở đâu thì nộp đơn phúc khảo ở nơi đó.
2. Trường phổ thông, nơi thí sinh đăng ký dự thi, nhận đơn xin phúc khảo của thí sinh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố điểm thi và chuyển dữ liệu thí sinh xin phúc khảo bài thi đến Hội đồng thi. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc khảo, Hội đồng thi phải công bố và gửi kết quả phúc khảo cho thí sinh.

Chương VIII. Điều 36. Điểm ưu tiên, khuyến khích

1. Điểm ưu tiên

Xét công nhận tốt nghiệp THPT tính theo 3 diện (Diện 1, Diện 2, Diện 3); trong đó, thí sinh Diện 1 là những thí sinh bình thường không được cộng điểm ưu tiên; thí sinh Diện 2 và Diện 3 được cộng điểm ưu tiên như sau:

a) Diện 2: cộng 0,25 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81% (đối với GDTX);
- Con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động; con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động;
- Người dân tộc thiểu số;

Chương VIII. Điều 36. Điểm ưu tiên, khuyến khích

1. Điểm ưu tiên

a) Diện 2: cộng 0,25 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau: (tt)

- Người Kinh, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên (tính đến ngày tổ chức kỳ thi) ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Ủy ban Dân tộc, học tại các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương ít nhất 2 phần 3 thời gian học cấp THPT;

- Người bị nhiễm chất độc màu da cam; con của người bị nhiễm chất độc màu da cam; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người được cơ quan có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc lao động do hậu quả của chất độc hoá học;

- Có tuổi đời từ 35 trở lên, tính đến ngày thi (đối với GDTX).

Chương VIII. Điều 36. Điểm ưu tiên, khuyến khích

1. Điểm ưu tiên

b) Diện 3: cộng 0,5 điểm đối với thí sinh thuộc một trong những đối tượng sau:

- Người dân tộc thiểu số, bản thân có hộ khẩu thường trú ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư của chương trình 135; ở xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ; ở thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành của Ủy ban Dân tộc, đang học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc các trường phổ thông không nằm trên địa bàn các quận nội thành của các thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (đối với GDTX);
- Con của liệt sĩ; con của thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.

c) Thí sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên chỉ được hưởng theo tiêu chuẩn ưu tiên cao nhất.

d) Những diện ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ trưởng Bộ GDĐT xem xét, quyết định.

Chương VIII. Điều 36. Điểm ưu tiên, khuyến khích (tt)

2. Điểm khuyến khích

Người học tham gia các cuộc thi và các hoạt động dưới đây được cộng điểm khuyến khích để xét công nhận tốt nghiệp THPT với mức điểm như sau:

a) Đoạt giải cá nhân trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hoá lớp 12:

- Đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh: cộng 2,0 điểm;
- Giải khuyến khích trong kỳ thi quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh: cộng 1,5 điểm;
- Giải ba cấp tỉnh: cộng 1,0 điểm.

Chương VIII. Điều 36. Điểm ưu tiên, khuyến khích

2. Điểm khuyến khích (tt)

Người học tham gia các cuộc thi và các hoạt động dưới đây được cộng điểm khuyến khích để xét công nhận tốt nghiệp THPT với mức điểm như sau: (tt)

b) Đoạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lí, Hoá học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT:

- Giải cá nhân:

+ Đoạt giải nhất, nhì, ba quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh hoặc Huy chương Vàng: cộng 2,0 điểm;

+ Giải khuyến khích quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh hoặc Huy chương Bạc: cộng 1,5 điểm;

+ Huy chương Đồng: cộng 1,0 điểm;

Chương VIII. Điều 36. Điểm ưu tiên, khuyến khích (tt)

2. Điểm khuyến khích (tt)

Người học tham gia các cuộc thi và các hoạt động dưới đây được cộng điểm khuyến khích để xét công nhận tốt nghiệp THPT với mức điểm như sau: (tt)

b) Đoạt giải cá nhân và đồng đội trong các kỳ thi thí nghiệm thực hành môn Vật lí, Hoá học, Sinh học; thi văn nghệ; thể dục thể thao; hội thao giáo dục quốc phòng; cuộc thi khoa học kỹ thuật; viết thư quốc tế do ngành Giáo dục phối hợp với các ngành chuyên môn từ cấp tỉnh trở lên tổ chức ở cấp THPT: (tt)

- Giải đồng đội:

+ Chỉ cộng điểm đối với giải quốc gia;

+ Số lượng cầu thủ, vận động viên, diễn viên của giải đồng đội từ 02 đến 22 người theo quy định cụ thể của Ban Tổ chức từng giải;

+ Mức điểm khuyến khích được cộng cho các cá nhân trong giải đồng đội được thực hiện như đối với giải cá nhân quy định tại điểm này;

- Những người học đoạt nhiều giải khác nhau trong nhiều cuộc thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của loại giải cao nhất.

Chương VIII. Điều 36. Điểm ưu tiên, khuyến khích (tt)

2. Điểm khuyến khích (tt)

Người học tham gia các cuộc thi và các hoạt động dưới đây được cộng điểm khuyến khích để xét công nhận tốt nghiệp THPT với mức điểm như sau: (tt)

c) Học sinh Giáo dục THPT, học viên GDTX trong diện xếp loại hạnh kiểm, học viên GDTX tham gia học đồng thời chương trình trung cấp kết hợp với chương trình văn hóa theo chương trình GDTX cấp THPT có *Giấy chứng nhận nghề do sở GDĐT hoặc các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề do ngành Giáo dục cấp trong thời gian học THPT được cộng điểm khuyến khích căn cứ vào xếp loại ghi trong Giấy chứng nhận nghề như sau:*

- Loại giỏi: cộng 2,0 điểm;
- Loại khá: cộng 1,5 điểm;
- Loại trung bình: cộng 1,0 điểm.

d) Học viên GDTX có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc tin học được cấp theo quy định của Bộ GDĐT trong thời gian học cấp THPT: cộng 1,0 điểm đối với mỗi loại chứng chỉ.

đ) Nếu thí sinh đồng thời có nhiều loại giấy chứng nhận để được cộng điểm khuyến khích theo quy định tại khoản này cũng chỉ được hưởng mức điểm cộng thêm nhiều nhất là 4,0 điểm.

e) Điểm khuyến khích quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản này được bảo lưu trong toàn cấp học và được cộng vào điểm bài thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT cho thí sinh.

Chương VIII. Điều 37. Điểm xét tốt nghiệp THPT

1. Điểm xét tốt nghiệp (ĐXTN): gồm điểm các bài thi thí sinh dự thi để xét công nhận tốt nghiệp THPT theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này, điểm ưu tiên, khuyến khích (nếu có) và điểm trung bình cả năm lớp 12; điểm của từng bài thi được quy về thang điểm 10 để tính ĐXTN.

a) ĐXTN đối với Giáo dục THPT được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐXTN} = \frac{\frac{\text{Tổng điểm 4 bài thi} + \text{Tổng điểm khuyến khích (nếu có)}}{4} + \text{Điểm trung bình cả năm lớp 12} + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}}{2}$$

Chương VIII. Điều 38. Công nhận tốt nghiệp THPT

1. Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, không bị kỷ luật từ mức huỷ bài thi trở lên, tất cả các bài thi và các môn thi thành phần của bài thi tổ hợp lấy điểm để xét công nhận tốt nghiệp đều đạt trên 1,0 điểm theo thang điểm 10 và có ĐXTN từ 5,0 điểm trở lên được công nhận tốt nghiệp THPT.
2. Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, được miễn thi tất cả các bài thi trong xét tốt nghiệp THPT theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Quy chế này được công nhận tốt nghiệp THPT.
3. Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, được miễn thi tất cả các bài thi của kỳ thi THPT quốc gia theo quy định tại Điều 33 Quy chế này được công nhận tốt nghiệp THPT.

NỘI DUNG

**BAN HÀNH QUY CHẾ TUYỂN
SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH
QUY; TUYỂN SINH CAO
ĐẲNG NHÓM NGÀNH ĐÀO
TẠO GIÁO VIÊN HỆ CHÍNH
QUY NĂM 2017**

Chương I. Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại Khu vực 1 quy định tại điểm c khoản 4 Điều 7 của Quy chế này;

- Đối tượng 02: Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen;

Chương I. Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (TT)

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng. (TT)

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 03:

+ Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ưu đãi người có công với cách mạng;

Chương I. Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (TT)

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng. (TT)

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 04:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh” mà người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh” bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động;

+ Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến;

+ Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012 về việc ưu đãi người có công với cách mạng.

Chương I. Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (TT)

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng. (TT)

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

+ Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;

+ Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;

+ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay ĐKXT;

Chương I. Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (TT)

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng. (TT)

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 06:

+ Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế có giấy chứng nhận được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng;

Chương I. Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (TT)

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng. (TT)

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 07:

+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH- BYT-BTC-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Bộ GDĐT quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;

+ Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành sư phạm;

+ Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

c) Những đối tượng ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ trưởng Bộ GDĐT xem xét, quyết định.

d) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

Chương I. Điều 7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (TT)

c) Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

Khu vực 1 (KV1) gồm:

Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học THPT hoặc trung cấp của thí sinh; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm:

Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;

- Khu vực 2 (KV2) gồm:

Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1);

- Khu vực 3 (KV3) gồm:

Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

5. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,5 (nửa điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.